

Bản án số: 51/2017/HSST
Ngày 16/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Ngọc Côn - Cán bộ hưu trí tại xã Trù Hựu, huyện Lục Ngạn.

2. Ông Giáp Văn Phẩm - Cán bộ hưu trí tại xã Nghĩa Hồ, huyện Lục Ngạn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Diệp Văn Vĩ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa: Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 22/2017/HSST ngày 05 tháng 4 năm 2017 đối với bị cáo:

Lý Văn T, sinh năm 1985; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Dân tộc: Sán Dìu; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp 7/12; Con ông Lý Minh T, sinh năm 1947 và con bà Lương Thị T, sinh năm 1947; Bị cáo có 10 anh chị em, bản thân bị cáo là thứ tám; Vợ là Hoàng Thị B, sinh năm 1987; Con: Bị cáo có 02 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2014); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Bản án số 23/2002/HSST ngày 31/5/2002 Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đã xử phạt bị cáo 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản", thời gian thử thách là 12 tháng (trị giá tài sản trộm cắp là 2.000.000 đồng; Tại Bản án số 32/2004/HSST ngày 20/8/2004 Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đã xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" (Trị giá tài sản trộm cắp là 5.380.000 đồng); Bị cáo bị bắt truy nã, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/3/2017 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên tòa).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Dương Văn S - Sinh năm 1988 (Vắng mặt)
Trú quán: Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
2. Anh Chu Văn C - Sinh năm 1985 (Vắng mặt)
Trú quán: Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
3. Anh Leo Văn U - Sinh năm 1984 (Vắng mặt)
Trú quán: Thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
4. Chị Lý Thị B - Sinh năm 1973 (Có mặt)
Trú quán: Thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
5. Chị Giáp Thị T - Sinh năm 1983 (Vắng mặt)
Trú quán: Thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
6. Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1982 (Vắng mặt)
Trú quán: Thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
7. Chị Hoàng Thị B - Sinh năm 1987 (Có mặt)
Trú quán: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
8. Anh Leo Văn S - Sinh năm 1993 (Vắng mặt)
Trú quán: Thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
9. Anh Diệp Văn V - Sinh năm 1990 (Vắng mặt)
Trú quán: Thôn B, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
10. Anh Viên Văn T - sinh năm 1991 (Vắng mặt)
Trú quán: Thôn B, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
11. Chị Lý Thị V - sinh năm 1969 (Vắng mặt)
Trú quán: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
12. Chị Lý Thị T - Sinh năm 1965 (Vắng mặt)
Trú quán: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
13. Anh Tôn Văn T - Sinh năm 1991 (Vắng mặt)
Trú quán: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
14. Anh Hùng Văn N - Sinh năm 1984 (Vắng mặt)
Trú quán: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
15. Anh Hà Văn H - Sinh năm 1984 (Vắng mặt)
Trú quán: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
16. Chị Dương Thị D - Sinh năm 1983 (Vắng mặt)
Trú quán: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
17. Chị Lý Thị S - Sinh năm 1979 (Vắng mặt)
Trú quán: Thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
18. Chị Nguyễn Thị N - Sinh năm 1990 (Vắng mặt)
Trú quán: Thôn B, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
19. Chị Lý Thị T - Sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Trú quán: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

20. Chị Hoàng Thị Y - Sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Trú quán: Thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

21. Chị Vi Thị L - Sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Trú quán: Thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

22. Chị Nông Thị N - Sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Trú quán: Thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

23. Anh Đặng Đình Q - Sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Trú quán: Thôn T, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Lý Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Lý Văn T có em trai Lý Văn C đang thụ lý án tù chung thân tại tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Thời gian khoảng tháng 10 năm 2012 T xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc để thăm em trai, sau đó T đi làm thuê tại tỉnh Quảng Tây Trung Quốc. Trong thời gian này T có quen biết một số chủ người Trung Quốc và biết họ muốn thuê lao động Việt Nam để chặt mía. Thời gian khoảng cuối tháng 10/2012 Lý Văn T trở về Việt Nam.

Khoảng tháng 11 năm 2015, T gặp anh Dương Văn S - sinh năm 1988 và anh Chu Văn C - sinh năm 1985 đều trú tại thôn N, xã H, huyện L; anh Leo Văn U - sinh năm 1984 trú tại thôn B, xã N, huyện L nên đã rủ những người này đi sang Trung Quốc chặt mía thuê, mọi người đồng ý. T nói nếu đi mỗi người phải chuẩn bị số tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng nộp trước cho Tám để thuê xe ô tô đi từ huyện L đến Lạng Sơn, còn tiền xe đi lại ở bên Trung Quốc, T sẽ trừ vào tiền công lao động sau. Ngoài ra T còn dặn mọi người nếu ai có người quen muốn đi thì rủ đi cùng cho đủ chuyến, khi nào đi Tám sẽ thông báo sau. Ngày 21/11/2015, T đi đến nhà chị gái ruột là Lý Thị B - sinh năm 1973, trú tại thôn C, xã P, huyện L chơi. Trong lúc ăn cơm cùng gia đình chị B, T đã rủ chị B đi sang Trung Quốc chặt mía thuê, chị B đồng ý đi và nói với T có chị Giáp Thị T - sinh năm 1983 và chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1982 nhà ở gần nhà chị B cũng muốn đi, T đồng ý và hẹn đến ngày 01/12/2015 sẽ có xe đón mọi người đi làm. Khoảng cuối tháng 11 năm 2015, T gọi điện thoại thông báo cho những người Tám đã rủ và hẹn những người này đến ngày 01/12/2015 sẽ có xe đón để T đưa mọi người vượt biên trái phép sang Trung Quốc làm thuê. Khoảng 13 giờ ngày 01/12/2015, T thuê xe ô tô (loại xe 16 chỗ ngồi) của anh Đặng Trần Q - sinh năm 1977, trú tại thôn T, xã G,

huyện L để đưa mọi người đi đến tỉnh Lạng Sơn. T gọi điện hướng dẫn anh Q đi đến các điểm hẹn đón mọi người, sau đó anh Q vào xã T đón T cùng với vợ là Hoàng Thị B - sinh năm 1987 rồi T tiếp tục hướng dẫn anh Q đi đến các điểm hẹn để đón mọi người. Sau khi đón được đủ người, T bảo anh Q chở tất cả mọi người đi đến tỉnh Lạng Sơn. Những người được T đón đưa đi đều ở các xã trên địa bàn huyện L, tỉnh Bắc Giang, gồm: Dương Văn S - sinh năm 1988; Chu Văn C - sinh năm 1985, đều trú tại thôn N, xã H; Leo Văn U - sinh năm 1984; Leo Văn S - sinh năm 1993, đều trú tại thôn B, xã N; Diệp Văn V - sinh năm 1990; Viên Văn T - sinh năm 1991, đều trú tại thôn B, xã Q; Lý Thị V - sinh năm 1969; Lý Thị T - sinh năm 1965; Tôn Văn T - sinh năm 1991, đều trú tại thôn N, xã N; Hùng Văn N - sinh năm 1984, trú tại thôn H, xã N; Hà Văn H - sinh năm 1984; Dương Thị D - sinh năm 1983, đều trú tại thôn T, xã T; Lý Thị B - sinh năm 1973; Lý Thị S - sinh năm 1979; Giáp Thị T - sinh năm 1983; Nguyễn Thị H - sinh năm 1982, đều trú tại thôn C, xã P. Trên đường đi Lý Văn T thu của mỗi người số tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng. Sau khi anh Q đưa mọi người đến khu vực huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, T bảo mọi người xuống xe, T trả tiền thuê xe cho anh Q rồi để anh Q quay trở về nhà. Sau đó T thuê 02 xe ô tô con chở mọi người đến cửa khẩu Chi Ma, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Số tiền thu được của mọi người T khai không nhớ được bao nhiêu nhưng T đã bỏ ra trả tiền thuê xe hết. Đến khu vực cửa khẩu, T để cho mọi người nghỉ ngơi, đến khoảng 22 giờ cùng ngày, T đưa mọi người đi bộ theo đường mòn để vượt biên trái phép sang Trung Quốc. Sau khi sang đến đất Trung Quốc, có xe ô tô do chủ lao động người Trung Quốc thuê chở mọi người đến chỗ làm ở tỉnh Quảng Tây Trung Quốc, T cũng làm cùng mọi người tại đây. Làm thuê được khoảng 10 ngày, T nhận được tin anh rể của T bị chết nên T cùng với vợ, chị B và chị S trở về Việt Nam để viếng anh rể của T. Sau khi mai táng cho anh rể xong, ngày 15/12/2015, T thuê xe ô tô của một người không quen biết để cùng vợ và chị B cùng nhau vượt biên trái phép sang Trung Quốc trở lại chỗ làm thuê ban đầu. Do được biết tin T vượt biên trái phép sang Trung Quốc để lao động, chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1990, trú tại thôn B, xã Q, huyện L; chị Lý Thị T - sinh năm 1984, trú tại thôn H, xã N, huyện L; chị Hoàng Thị Y - sinh năm 1976; chị Vi Thị L - sinh năm 1985; chị Nông Thị N - sinh năm 1978, đều trú tại thôn C, xã P, huyện L đã tự tìm đến gặp T và nhờ T cho đi cùng sang Trung Quốc để làm thuê, T đã đồng ý và đã cho những người này cùng đi với T để vượt biên trái phép sang Trung Quốc. Toàn bộ chi phí trên đường đi đều do mọi người tự chi trả.

Trong thời gian làm thuê cho ông chủ người Trung Quốc, do T biết nghe, nói tiếng Trung Quốc và có công đưa những lao động Việt Nam sang làm thuê nên

được chủ nhà nuôi ăn và gọi điện thoại không mất tiền. Ngoài ra T còn được chủ nhà giao cho nhiệm vụ chăm công, nhận tiền công hàng tháng để trả cho các lao động. Những người lao động được T đưa sang Trung Quốc làm thuê được một thời gian thì không làm nữa và bảo T đưa trở về Việt Nam. Ngày 07/01/2016 ông chủ người Trung Quốc đã thuê xe ô tô để T đưa những người này đến khu vực biên giới rồi cùng với mọi người vượt biên trở về Việt Nam. Ông chủ người Trung Quốc có trừ của mỗi người số tiền từ 200 đến 240 Nhân dân tệ là khoản tiền thuê xe ô tô chở những người lao động đi từ biên giới đến chỗ làm thuê và từ chỗ làm thuê đến biên giới để trở về Việt Nam. Ngoài ra ông chủ người Trung Quốc còn bảo T giữ lại của anh Viên Văn T số tiền 1080 Nhân dân tệ vì trong thời gian làm thuê anh T có làm mất của chủ nhà 01 chiếc bếp điện từ. Sau khi trở về Việt Nam, ngày 16/02/2016 anh Viên Văn T có đơn gửi Công an huyện L đề nghị giải quyết.

Quá trình xét truy tố do Lý Văn T bỏ trốn khỏi địa phương. Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã ra quyết định tạm đình chỉ vụ án, tạm đình chỉ vụ án đối với bị can, đồng thời yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L quyết định truy nã đối với Lý Văn T. Ngày 14/3/2017 Lý Văn T bị bắt theo quyết định truy nã.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, Lý Văn T đã trả lại cho anh Viên Văn T số tiền công mà T đã giữ lại của anh T, anh T đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu gì khác. Những người đã được T đưa vượt biên trái phép sang Trung Quốc đều không có yêu cầu gì về việc bồi thường dân sự.

Từ những nội dung trên, bản Cáo trạng số 26/KSĐT ngày 05/4/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn đã truy tố Lý Văn Tám về tội "Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài" theo khoản 1 Điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lý Văn T khai: Nội dung Cáo trạng truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều luật là đúng, bị cáo không bị oan sai gì. Nhưng bị cáo khẳng định bị cáo chỉ trao đổi nội dung công việc và rủ anh Chu Văn C và anh Leo Văn U đi sang Trung Quốc làm thuê chứ bị cáo không được rủ ai khác. Những người còn lại đều là tự xin đi cùng và tự góp tiền cho bị cáo để trả tiền xe đi lại. Bị cáo không được hưởng lợi gì từ việc đưa những người này sang Trung Quốc, số tiền bị cáo thu của những người đi cùng đã chi trả tiền xe hết. Lần thứ hai bị cáo vượt biên sang Trung Quốc có 08 người cùng đi gồm bị cáo, vợ bị cáo là Hoàng Thị B, chị Lý Thị B, chị Nguyễn Thị T, chị Lý Thị T, chị Hoàng Thị Y, chị Vi Thị L và chị Nông Thị N. Tất cả những người này đều tự xin đi theo bị cáo sang Trung Quốc, tự trả tiền xe đi lại. Bị cáo không tổ chức, bàn bạc hay thu tiền của ai trong nhóm người này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lý Thị B, Hoàng Thị B vẫn giữ nguyên những lời khai tại Cơ quan điều tra và khẳng định việc đi cùng Lý Văn T sang Trung Quốc làm thuê là tự nguyện xin đi cùng.

Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người vắng mặt này tại phiên tòa.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Lý Văn T phạm tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài”.
- Áp dụng khoản 1 Điều 275; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999;
- Xử phạt Lý Văn T từ 02 năm tù đến 02 năm tù 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo 14/3/2017.
- Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét, giải quyết.
- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
- Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận, bị cáo Lý Văn T không có ý kiến gì tham gia tranh luận. Lời nói sau cùng bị cáo xin hưởng mức án nhẹ nhất.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa không có ý kiến gì tham gia tranh luận.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lý Văn T khai nhận: Ngày 01/12/2015 bị cáo đã có hành vi tổ chức đưa 17 người lao động Việt Nam vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc để lao động làm thuê. Sau khi đưa 17 lao động sang Trung Quốc làm thuê, T được chủ người Trung Quốc giao cho quản lý lao động, chăm công hàng ngày và phát tiền công cho các lao động và được nuôi ăn, ở, gọi điện thoại miễn phí trong thời gian các lao động này làm thuê tại Trung Quốc.

Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án.

Hành vi nêu trên của Lý Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài”. Mặc dù bị cáo thực hiện hai hành vi tổ chức người khác trốn đi nước ngoài, trong đó lần thứ nhất đưa được 17 người, lần thứ hai đưa được 8 người sang Trung Quốc. Tuy nhiên xét thấy không có đủ căn cứ để xử lý hình sự bị cáo theo khoản 2 Điều 275 Bộ luật hình sự (trường hợp phạm tội nhiều lần) vì lần thứ hai tất cả những người đi cùng bị cáo sang Trung Quốc đều là tự nguyện xin đi cùng, tự đóng góp chi phí đi lại, bị cáo cũng không hưởng lợi gì từ việc này. Lời khai của chị Lý Thị T, Hoàng Thị Y, Vi Thị L, Nông Thị N cũng thể hiện là tự xin đi cùng và không phải đóng góp gì cho bị cáo. Duy nhất chỉ có lời khai của chị Nguyễn Thị T thể hiện bị cáo là người rủ sang Trung Quốc làm thuê nhưng xét thấy lời khai này không khách quan vì chị T, anh T là vợ chồng và là người có đơn tố cáo đối với Lý Văn T. Chính Lý Văn T tại phiên tòa cũng không thừa nhận lời khai của anh T và chị T là đúng sự thật. Do đó việc Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố bị cáo Lý Văn T về tội "Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài" theo khoản 1 Điều 275 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật nên cần chấp nhận để xem xét.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào trật tự quản lý hành chính, xâm phạm vào chính sách đối nội, đối ngoại của Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, gây mất trật tự trị an tại khu vực biên giới. Bị cáo là người có nhân thân xấu: Tại Bản án số 23/2002/HSST ngày 31/5/2002 Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đã xử phạt bị cáo 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản", thời gian thử thách là 12 tháng; Tại Bản án số 32/2004/HSST ngày 20/8/2004 Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đã xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Mặc dù là người có nhân thân xấu, đã hai lần bị Tòa án kết án tù giam nhưng bị cáo không lấy đó là những bài học kinh nghiệm cho bản thân mà vẫn tiếp tục có hành vi vi phạm pháp luật đó là tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài. Qua đó thể hiện bị cáo là người khó giáo dục, cải tạo, coi thường pháp luật của Nhà nước. Do vậy cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo bằng pháp luật hình sự, buộc bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật và là người có ích cho gia đình và xã hội.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Đối với anh Đặng Trần Q là người đã được Lý Văn T thuê xe ô tô để chở người lao động đến huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn nhưng anh Q không biết mục đích của T là đưa người vượt biên trái phép sang Trung Quốc nên không có căn cứ để xử lý đối với anh Đặng Trần Q. Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp quy định của pháp luật nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với Dương Văn S, Chu Văn C, Leo Văn U, Leo Văn S, Viên Văn T, Hùng Văn N, Hà Văn H, Dương Thị D, Hoàng Thị B, Lý Thị B, Lý Thị S, Giáp Thị T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T, Lý Thị T, Hoàng Thị Y, Vi Thị L, Nông Thị N, Lý Thị V, Lý Thị T là những người đã có hành vi trốn đi nước ngoài (Trung Quốc) nhưng mục đích là để lao động làm thuê. Công an huyện L đã quyết định xử lý bằng biện pháp hành chính. Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp quy định của pháp luật nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với Diệp Văn V, Tôn Văn T cũng là những người có hành vi trốn đi nước ngoài (sang Trung Quốc) với mục đích làm thuê. Quá trình điều tra do hai người này đều không có mặt tại địa phương, không rõ địa chỉ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L tiếp tục điều tra, xác minh để làm rõ, xử lý sau. Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp quy định của pháp luật nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với hành vi trốn đi nước ngoài trái phép của Lý Văn T vào năm 2012 và ngày 15/12/2015, Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã yêu cầu Công an huyện L xử lý bằng biện pháp hành chính đối với Lý Văn T. Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp quy định của pháp luật nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án Lý Văn T đã trả lại cho anh Viên Văn T số tiền công mà Tám đã giữ lại của anh T, anh T đã nhận đủ tiền và không yêu cầu bị cáo T bồi thường gì khác. Những người đã được T đưa vượt biên trái phép sang Trung Quốc đều không yêu cầu bồi thường gì nên về trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lý Văn T phạm tội "Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài".
Áp dụng khoản 1 Điều 275; Điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt: Lý Văn T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 14/3/2017.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lý Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- UBND xã T, huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Sơn